TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-PT
Ngày: 30 - 11 - 2020
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương
*Các Thẩm p*hán: Ông Trần Hữu Sỹ
Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 13/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1315/2020/QĐ-PT ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N- Việt Nam- Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng Đ- Chức vụ: Phụ trách Hội đồng thành viên; địa chỉ: Số N, đường L, phường T, TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N; địa chỉ: k, đường H, Thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình *(Văn bản ủy quyền số: 509/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014)*- Ủy quyền tham tố tụng cho bà Bà Lê Thị Nguyệt Ng- Trưởng phòng Tín dụng Ngân hàng N (Văn bản ủy quyền số: 2215/QĐ-BQH-TH, ngày 20/11/2019). Có mặt

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1966 và ông Lê Duy L, sinh năm 1959.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị C, luật sư Trương Văn B, Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn luật sự tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị C: ông Vũ Xuân H, trú tại h, đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau: Nguyên đơn Ngân hàng N trình bày: Giữa Ngân hàng N ký hợp đồng tín dụng với bên vay là ông Lê Duy L, bà Hoàng Thị C cho vay các khoản sau:

Đối với khoản vay thứ nhất: Năm 2015 giữa Ngân hàng N và vợ, chồng ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/HĐTD ngày 09/12/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/TCA/HĐSĐBS ngày 15/09/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/2018/HĐSĐBS-TD ngày 17/12/2018 (Sau đây gọi tắt là HĐTD số 01/67/TC/HĐTD*)* để vay số tiền: 8.086.000.000 đồng nhằm mục đích đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ với thời hạn vay 11 năm (132 tháng) kể từ ngày 09/12/2015; Lãi suất: 7%/năm (Trong đó lãi suất chủ tàu phải trả 3% /năm, lãi suất được ngân sách Nhà nước cấp bù 4%/ năm); kỳ hạn trả nợ lãi 06 tháng/lần trước ngày 30 hàng tháng; Năm đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng bên vay được miễn lãi.

Để đảm bảo cho khoản vay này ông bà L- C đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/67/TC/HĐTC ngày 01 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/TCA/HĐSĐBS "Về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/67/TC/HĐTC ký kết ngày 01 tháng 12 năm 2015" ngày 15 tháng 09 năm 2016 (Sau đây gọi tắt là hợp đồng thế chấp số: 01/67/TC/HĐTC ngày 01 tháng 12 năm 2015) . Tài sản ông L, bà C thế chấp cho Ngân hàng là 01 tàu cá vỏ gỗ, công suất 713CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60188; số đăng ký QB 92889-TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12 tháng 05 năm 2016 mang tên chủ tàu: Lê Duy L; nơi thường trú: H – huyện B – tỉnh Quảng Bình với giá trị tài sản bảo đảm: 12.019.813.000 đồng (Mười hai tỷ, không trăm mười chín triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng).

Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho ông L, bà C với tổng số tiền gốc là 8.061.282.000 (Tám tỷ không trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng). Trong đó, tổng số tiền vay được giải ngân chia làm 04 đợt theo giấy nhận nợ ngày: 18/12/2015 là 2.515.482.000; ngày 03/2/2016 là 4.823.000.000 đồng; ngày 20/5/2016 là 582.800.000 đồng; ngày 10/10/2016 là 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông L và bà C đã nhiều lần vi phạm về thời hạn trả nợ gốc và lãi và tính đến ngày trả nợ gốc, lãi cuối cùng vào ngày 30/12/2019 ông L, bà C chỉ mới trả được cho Ngân hàng với tổng số tiền gốc và lãi là 1.553.442.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi ba

triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Hiện tại, khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn và tính đến hết ngày 27/7/2020, ông L và bà C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 7.281.376.725 đồng; Trong đó, nợ gốc: 6.507.840.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 742.187.196 đồng, nợ lãi quá hạn: 31.349.529 đồng.

Đối với khoản vay thứ 2: Năm 2017, Ngân hàng N và vợ, chồng ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C ký Hợp đồng tín dụng số: 939/2017/HĐTD ngày 15/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 939A/2018/HDSĐBS-TD ngày 18/09/2018 (Sau đây gọi tắt là HĐTD số 939/2017/HĐTD) để vay ngân hàng tổng số tiền 1.920.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng) nhằm mục đích kinh doanh mua bán hàng thủy hải sản với thời hạn: 12 tháng; Lãi suất: 7%/ năm đối với lần nhận nợ ngày 18/09/2018 và 8%/năm đối với lần nhận nợ ngày 12/10/2018 với tổng số tiền 1.400.000 đồng. Lãi suất cho vay trong hạn: 7%/năm; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay này, ông C và bà L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 939/2017/HĐTC ngày 14/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 939A/2018/HĐSĐBS-TC ngày 18/09/2018 để thế chấp thửa đất số 360, tờ bản đồ số 6, diện tích; 293,9 m^2, tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4 diện tích xây dựng: 122 m^2; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH302637, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02102 do UBND huyện B cấp ngày 01/6/2017 mang tên Lê Duy L- Hoàng Thị C và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 6, diện tích 88,8 m^2; Nhà ở riêng lẻ cấp 4, diện tích xây dựng 40 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302638, số vào sổ cấp GCN: CH02103 do UBND huyện B cấp ngày 01/06/2017 mang tên Lê Duy L - Hoàng Thị C. Tài sản đảm bảo có tổng giá trị 2.570.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho ông L, bà C vay tổng số tiền gốc 1.9200.000 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng). Trong đó, tổng số tiền vay được giải ngân chia làm hai đợt theo giấy nhận nợ lần thứ nhất với số tiền là 520.000.000 đồng và giấy nhận nợ ngày 12/10/2018 với số tiền là 1.400.000 đồng. Đối với khoản vay này, ông L, bà C đã trả cho Ngân hàng 135.679.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Kể từ ngày 09/4/2020 ông L, bà C liên tiếp vi phạm thời gian trả nợ gốc và lãi theo cam kết nên dẫn đến khoản vay chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/7/2020, ông L và bà C còn nợ tổng số tiền 2.096.296.593 đồng, trong đó, nợ gốc: 1.784.321.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 218.267.865 đồng, nợ lãi quá hạn: 67.565.217 đồng, lãi chậm trả: 26.142.511 đồng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, ông L và bà C nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như các điều khoản tại các hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông L, bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông L và bà C đều thừa nhận các khoản nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, ông L và bà C chỉ trình bày những khó khăn dẫn đến không trả được nợ mà không có bất cứ phương án trả nợ cũng như thời hạn trả nợ cho Ngân hàng. Các khoản vay này chuyển sang nợ quá hạn gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước Tổng số nợ gốc và lãi quá hạn của các hợp đồng trên tính đến ngày 27/7/2020 là 9.377.673.318 đồng; Trong đó: nợ gốc: 8.292.161.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 960.455.061 đồng; Lãi quá hạn: 98.914.746 đồng; lãi chậm trả: 26.142.511 đồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên và phải tiếp tục chịu trả lãi (bao gồm lãi chậm trả) phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã tham gia ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông L, bà C trả hết nợ gốc cho ngân hàng. Trường hợp ông L và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật mà ông L, bà C đã thế chấp cho ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay để ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C đều thống nhất trình bày*:* Ông bà thừa nhận đã tham gia ký kết các hợp đồng tín dụng và thế chấp các tài sản để đảm bảo các khoản vay như Ngân hàng đã nêu cũng như tổng số tiền gốc và lãi phát sinh hiện tại đúng như phía Ngân hàng yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng và hiện tại gia đình ông bà gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động đánh bắt do tàu cá hay hư hỏng, ngư trường đánh bắt bị thu hẹp, nguồn hải sản đánh bắt được rất hạn chế, tiền công chi trả cho người làm công cao. Mặt khác, trong những năm gần đây nguồn thu nhập chính của gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào nghề đánh bắt nhưng thu nhập hàng tháng không bù lỗ được khoản chi phí bỏ ra nên không có khả năng để trả nợ cho Ngân hàng chứ không phải cố ý trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông bà đề nghị phía Ngân hàng hết sức thông cảm và tạo mọi điều kiện để cho ông bà được giản thời gian trả nợ và tạo điều kiện cho gia đình được tiếp tục sử dụng tàu cá để khai thác tạo thu nhập nhằm trả dần các khoản nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự

năm 2005; các Điều 317, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

- Buộc vợ chồng ông, bà Lê Duy L-Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/HĐTD ngày 09/12/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/TCA/HĐSĐBS ngày 15/09/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/2018/HĐSĐBS-TD với tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (27/7/2020) là: 7.281.376.725 (Bảy tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó: nợ gốc: 6.507.840.000 đồng (Sáu tỷ, năm trăm lẻ bảy triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn: 742.187.196 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn: 31.349.529 đồng (Ba mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng).

- Buộc vợ chồng ông, bà Lê Duy L-Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số: 939/2017/HĐTD ngày 15/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 939A/2018/HDSĐBS-TD ngày 18/09/2018 với tổng số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (27/7/2020) là: 2.096.296.593 (Hai tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng). Trong đó, nợ gốc: 1.784.321.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng), nợ lãi trong hạn: 218.267.865 đồng (Hai trăm mười tám triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn: 67.565.217 đồng (Sáu mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm mười bảy đồng), lãi chậm trả: 26.142.511 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm mười một đồng).

Như vậy, tổng số tiền buộc vợ, chồng ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C phải trả cho Ngân hàng N tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (27/7/2020) là 9.377.673.318 đồng (Chín tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm mười tám đồng); Trong đó: nợ gốc: 8.292.161.000 đồng (Tám tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, một trăm sáu mươi mốt nghìn đồng); nợ lãi trong hạn: 960.455.061 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm sáu mươi mốt đồng); Lãi quá hạn: 98.914.746 đồng (Chín mươi tám triệu, chín trăm mười bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng); lãi chậm trả:

26.142.511 đồng (Hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm mười một đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (27/7/2020) ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/HĐTD ngày 09/12/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/TCA/HĐSĐBS ngày 15/09/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/2018/HĐSĐBS-TD và Hợp đồng tín dụng số: 939/2017/HĐTD ngày 15/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 939A/2018/HDSĐBS-TD ngày 18/09/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- 01 tàu đánh cá, công suất 713CV, đóng năm 2016; mẫu thiết kế: ĐD-QB-02-67, cơ quan thiết kế: Công ty CPDV nghề cá Đại Dương đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60188; số đăng ký QB-92889-TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12 tháng 05 năm 2016 mang tên chủ tàu: Lê Duy L; nơi thường trú: xã H – huyện B – tỉnh Quảng Bình.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất số 360, tờ bản đồ số 6, diện tích; 293,9 m^2, tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4 diện tích xây dựng: 122 m^2; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH302637, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH02102 do UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/6/2017 mang tên Lê Duy L- Hoàng Thị C.

- Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với thửa đất số 324, tờ bản đồ số 6, diện tích 88,8 m^2; Nhà ở riêng lẻ cấp 4, diện tích xây dựng 40 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302638, Số vào sổ cấp GCN: CH02103 do UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/06/2017 mang tên Lê Duy L - Hoàng Thị C.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/8/2020 ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C có kháng cáo với nội dung: Tài sản thế chấp ngôi nhà và đất ở là của bố mẹ chồng, đó cũng là tài sản

thừa kế của 3 đứa em chồng nhưng do hai vợ chồng ông bà đứng tên đại diện. Do cần tiền và không am hiểu pháp luật nên đã dùng để thế chấp. Ông bà đề nghị để ngôi nhà cho mẹ chồng tiếp tục sử dụng để thờ phụng liệt sỹ. Về chiếc tàu đã vay theo Nghị định 67 đề nghị cho ông bà tiếp tục sử dụng để khai thác đánh bắt thủy sản, hải sản để có nguồn thu nhập trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên kháng cáo và trình bày thêm ý kiến đối với hợp đồng tín dụng số 939/2017 phía bị đơn vay để trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 01/67 chứ không phải sử dụng đúng mục đích kinh doanh thuỷ sản nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng trong thời gian hợp đồng tín dụng số 01/67 có những biểu hiện của tín dụng xấu nhưng Ngân hàng vẫn tiếp tục cho vay theo hợp đồng tín dụng số 939/2017 là sai quy định. Đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 360, tờ bản đồ số 6 là của bố mẹ ông L để lại, là di sản thừa kế chưa chia và ngôi nhà làm trên thửa đất số 324 là tài sản của con trai, con dâu ông L nhưng Toà cấp sơ thẩm không đưa những người có quyền lợi liên quan tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên toà để thu thập thêm tài liệu chứng cứ hoặc huỷ án để xét xử sơ thẩm lại. Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn với lý do các khoản vay theo hai hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông L, bà C đều thực hiện đúng quy định của Ngân hàng nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng; Ông L bà C đã thừa nhận số tiền được giải ngân và tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng hai bên đã kí kết. Ngân hàng không thể kiểm soát được nguồn tiền cho vay phía bên vay có dùng đúng mục đích hay không; Đối với hợp đồng thế chấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm, tài sản trên đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sở hữu của ông L, bà C. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên yêu cầu bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C đề nghị xem xét tài sản thế chấp có liên quan đến di sản thừa kế và đề nghị được giữ lại tàu cá để tiếp tục đánh bắt cá có nguồn thu nhập trả nợ ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng N với ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/HĐTD ngày 09/12/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/TCA/HĐSĐBS ngày 15/09/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 01/67/TC/2018/HĐSĐBS-TD ngày 17/12/2018 để vay số tiền: 8.086.000.000 đồng nhằm mục đích đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đảm bảo cho khoản vay này hai bên đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/67/TC/HĐTC ngày 01 tháng 12 năm 2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/67/TCA/HĐSĐBS "Về việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai ngày 15 tháng 09 năm 2016. Tài sản ông L, bà C thế chấp cho Ngân hàng là 01 tàu cá vỏ gỗ, công suất 713CV; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 60188; số đăng ký QB 92889-TS do Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 12 tháng 05 năm 2016 mang tên chủ tàu: Lê Duy L; nơi thường trú: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình với giá trị tài sản bảo đảm: 12.019.813.000 đồng;

Ông L, bà C còn kí Hợp đồng tín dụng số: 939/2017/HĐTD ngày 15/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 939A/2018/HDSĐBS-TD ngày 18/09/2018 để vay ngân hàng tổng số tiền 1.920.000.000 đồng nhằm mục đích kinh doanh mua bán hàng thủy hải sản. Đảm bảo cho khoản vay này hai bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 939/2017/HĐTC ngày 14/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 939A/2018/HĐSĐBS-TC ngày 18/09/2018 để thế chấp thửa đất số 360, tờ bản đồ số 6, diện tích; 293,9 m2, tài sản trên đất là 01 nhà cấp 4 diện tích xây dựng: 122 m^2; địa chỉ thửa đất: xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH302637 do UBND huyện B cấp ngày 01/6/2017 mang tên Lê Duy L- Hoàng Thị C và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 6, diện tích 88,8 m2, nhà ở riêng lẻ cấp 4, diện tích xây dựng 40 m2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302638 do UBND huyện B cấp ngày 01/06/2017 mang tên Lê Duy L - Hoàng Thị C. Tài sản đảm bảo có tổng giá trị 2.570.000.000 đồng.

Đây là các giao dịch dân sự có hình thức và nội dung đúng quy định của pháp luật, các bên tự nguyện kí kết, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên có hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng Ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C vi phạm về thời hạn thanh toán được ghi nhận trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Trường hợp ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C không

trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi số tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ theo như thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp.

Phía bị đơn (người kháng cáo) cho rằng tài sản thế chấp thửa đất số 360, tờ bản đồ 06 là di sản của bố mẹ ông L để lại cũng như tài sản là nhà trên thửa đất số 324, tờ bản đồ số 06 là của con trai ông L, bà C nhưng cấp sơ thẩm không đưa những người có quyền lợi liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm, Hội đồng xét xử thấy: cùng với việc công nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện B đã công nhận quyền sở hữu về tài sản trên đất thuộc ông L, bà C theo đúng quy định nên không có căn cứ cho rằng tài sản liên quan đến những người khác và việc ông L, bà C sử dụng tài sản của mình để thế chấp đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự là đúng pháp luật. Tại phiên toà phía nguyên đơn không chấp nhận đề xuất của ông L, bà C được giữ lại tàu cá làm phương tiện đánh bắt hải sản có nguồn thu trả nợ cho ngân hàng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này. Án sơ thẩm xét xử có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 317, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2.Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án

phí, lệ phí Tòa án ông Lê Duy L và bà Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000446 ngày 18/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương